TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 108/2019/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 11 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019, về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lưu Văn L**– Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn B II, xã C, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Chị **Nông Thị L1** – Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Bản E, xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lưu Văn L– Địa chỉ: Thôn B II, xã C, huyện D, tỉnh Tuyên Quang và chị Nông Thị L1 – Địa chỉ: Bản E, xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Văn Lvà chị Nông Thị L1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lưu Văn Lvà chị Nông Thị L1 thỏa thuận nhất trí giao cháu Lưu Nông Trọng P – Sinh ngày: 06/12/2013 cho chị Nông Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Phúc trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 03/9/2019. Anh Lưu Văn Lcó quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Anh Lưu Văn Lcấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lưu Nông Trọng P – Sinh ngày: 06/12/2013 số tiền 1.000.000đ/tháng, đến khi cháu Lưu Nông Trọng P trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 03/9/2019.

Chị Nông Thị L1 – Địa chỉ: Bản E, xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh Lưu Văn Lvà chị Nông Thị L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Lưu Văn Lvà chị Nông Thị L1 thỏa thuận nhất trí để anh Lưu Văn Lchịu 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền 300.000đ theo biên lai số 01151 nộp ngày 09/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- TAND tỉnh;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Lâm Anh L